

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 28/3/2019.

“V/v tranh chấp xin ly hôn và nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Danh On

2. Bà Nguyễn Thị Hiếu.

Thư ký phiên tòa: Bà Thái Kim Phương – Thư ký Toà án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

Trong ngày 28 tháng 3 năm 2019 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 60/2019/TLST – HNGĐ, ngày 05 tháng 3 năm 2019 về việc tranh chấp xin ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST – HNGĐ, ngày 11 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị **Lê Thị Bích T**, sinh năm 1973; cư trú tại: ấp N, xã N, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

2. *Bị đơn:* anh **Nguyễn Minh L**, sinh năm 1972; cư trú tại: ấp N, xã N, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

(chị Lê Thị Bích T và anh Nguyễn Minh L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Bích T trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 1996, chị T và anh Nguyễn Minh L có tổ chức đám cưới với nhau trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc với nhau nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn do chị T và anh L thường xuyên cãi nhau nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và anh chị đã ly thân

với nhau từ năm 2013 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Minh L.

Về con chung: Chị T và anh L có với nhau 02 người con chung tên Nguyễn Minh Duy, sinh năm 1997 và Nguyễn Minh Tân, sinh ngày 06/7/2011. Hiện nay cháu Tân đang sống với chị T. Nay chị T yêu cầu nuôi cháu Nguyễn Minh Tân nhưng không yêu cầu anh L cấp dưỡng cho cháu Tân. Còn cháu Nguyễn Minh Duy đã lớn và đã trưởng thành nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: chị T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị T không yêu cầu gì khác.

*** Bị đơn anh Nguyễn Minh L trình bày:**

Vào năm 1996, anh L và chị Lê Thị Bích T có tổ chức đám cưới với nhau trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn do anh L và chị T thường xuyên cãi nhau nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và anh chị đã ly thân với nhau khoảng từ năm 2013 cho đến nay. Nay chị T yêu cầu xin ly hôn với anh L thì anh L đồng ý.

Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa anh L và chị T có với nhau 02 người con chung tên Nguyễn Minh Duy, sinh năm 1997 và Nguyễn Minh Tân, sinh ngày 06/7/2011. Hiện nay cháu Tân đang sống với chị T. Nay anh L xác định do cháu Nguyễn Minh Duy đã lớn và đã trưởng thành nên anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Nguyễn Minh Tân thì anh L đồng ý giao cho chị T nuôi dưỡng và anh L không phải cấp dưỡng cho cháu Tân.

Về tài sản chung, nợ chung: anh L xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh L không yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp xin ly hôn và nuôi con mà bị đơn anh Nguyễn Minh L cư trú tại ấp N, xã N, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu được quy định tại khoản 7 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Việc xét xử vụ án khi chị Lê Thị Bích T và anh Nguyễn Minh L có đơn xin xét xử vắng mặt là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Bích T yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Minh L, Hội đồng xét xử, xét thấy: chị T thừa nhận vào năm 1996 có tổ chức đám cưới với anh L trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc nhưng đến nay anh, chị chưa có đăng ký kết hôn. Nay chị T xin ly hôn với anh L thì anh L cũng đồng ý. Tuy nhiên, theo Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này mà chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”*. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận chị T và anh L là vợ chồng.

[2] Về quan hệ con chung: chị Lê Thị Bích T và anh Nguyễn Minh L xác định giữa anh, chị có với nhau 02 người con chung tên Nguyễn Minh Duy, sinh năm 1997 và Nguyễn Minh Tân, sinh ngày 06/7/2011. Hiện nay cháu Tân đang sống với chị T. Nay chị T yêu cầu xin nuôi cháu Nguyễn Minh Tân nhưng không yêu cầu anh L cấp dưỡng cho cháu Tân. Anh L đồng ý. Đồng thời, cháu Nguyễn Minh Tân có nguyện vọng theo sống cùng mẹ là chị Lê Thị Bích T. Còn cháu Nguyễn Minh Duy thì chị T và anh L xác định đã lớn và đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Do đó, Hội đồng xét xử, xét thấy: ghi nhận ý chí tự nguyện của cháu Nguyễn Minh Tân, sinh ngày 06/7/2011 theo sống cùng mẹ là chị Lê Thị Bích T và ghi nhận sự tự thỏa thuận nuôi con giữa chị Lê Thị Bích T và anh Nguyễn Minh L thống nhất giao cháu Nguyễn Minh Tân, sinh ngày 06/7/2011 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi cháu Tân nhưng anh L có quyền thăm nom con không ai được cản trở. Còn cháu Nguyễn Minh Duy, sinh năm 1997 đã lớn và đã trưởng thành, chị T và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về quan hệ tài sản chung: chị Lê Thị Bích T và anh Nguyễn Minh L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị Lê Thị Bích T phải chịu số tiền 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Lê Thị Bích T và anh Nguyễn Minh L là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: tiếp tục giao cháu Nguyễn Minh Tân, sinh ngày 06/7/2011 cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Minh Tân nhưng anh L được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Còn cháu Nguyễn Minh Duy, sinh năm 1997 đã lớn và đã trưởng thành, chị T và anh L không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Lê Thị Bích T và anh Nguyễn Minh L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị Bích T phải nộp 300.000 đồng. Do chị T đã dự nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006105, ngày 05/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí toàn bộ.

"Trường hợp bản án, quyết định được Thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hồng Dân;
- Chi cục THADS huyện Hồng Dân;
- UBND xã Ninh Quới A, huyện Hồng Dân;
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn Bình

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hồng Dân;
- CC THADS huyện Hồng Dân ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Văn Bình